

Số: 40 /BC-DHL-ĐBCLGD

Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Kính gửi: Trường các đơn vị.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ TOÀN KHÓA HỌC CỦA SINH VIÊN CUỐI KHÓA (K37) TỐT NGHIỆP NĂM 2017

### A. THÔNG TIN CHUNG

#### I. Mục đích khảo sát

Nhà trường thực hiện khảo sát sinh viên cuối khóa nhằm mục đích ghi nhận những ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối (K37) về chất lượng phục vụ người học của Nhà trường trong suốt toàn khóa học. Qua đó, giúp Nhà trường nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của sinh viên và mức độ đáp ứng nhu cầu người học để có các biện pháp khắc phục những hạn chế cũng như đẩy mạnh phát huy những thế mạnh của trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội.

#### II. Quá trình thực hiện

- **Đối tượng khảo sát:** Sinh viên năm cuối khóa 37 ngành Luật và Luật Kinh tế.
- **Công cụ khảo sát:** Sử dụng phiếu hỏi do Trung tâm Đảm bảo chất lượng giáo dục Đại học Huế thiết kế riêng cho trường Đại học Luật.
- **Hình thức khảo sát:** Khảo sát trực tiếp sinh viên bằng cách phát phiếu và thu hồi phiếu hỏi sau khi sinh viên kết thúc môn thi học kỳ cuối.
- **Công cụ xử lý:** Sử dụng phần mềm SPSS, Excel.
- **Số phiếu phát ra:** 670
- **Số phiếu thu vào:** 570.
- **Nội dung khảo sát:** Phiếu hỏi dùng để khảo sát bao gồm 40 câu hỏi theo thang Likert và 01 câu hỏi mở.

+ Nội dung hỏi bao gồm các nhóm tiêu chí: Chương trình đào tạo; Hoạt động đào tạo; Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Mức độ đáp ứng của đội ngũ kỹ thuật viên; Mức độ đáp ứng của thư viện; Mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng thí nghiệm; Mức độ đáp ứng

về trang thiết bị tin học; Hoạt động hỗ trợ người học; các ý kiến đóng góp khác của sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

+ Thang Likert bao gồm:

- \* 1: Hoàn toàn không đồng ý
- \* 2: Không đồng ý
- \* 3: Phân vân
- \* 4: Đồng ý
- \* 5: Hoàn toàn đồng ý

## B. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

### I. Nhận xét chung về kết quả khảo sát

Trường Đại học Luật đã tiến hành phát ra 670 phiếu hỏi và thu được 570 phiếu (chiếm tỉ lệ 85%) trả lời từ sinh viên năm cuối. Đa số sinh viên đều đánh giá tích cực về các lĩnh vực được hỏi trong quá trình bốn năm học tập tại trường. Trong số 40 câu hỏi được đặt ra để khảo sát sinh viên, không có tiêu chí nào không đạt. Bảng kết quả dưới đây sẽ hiển thị mức điểm trung bình của từng tiêu chí dưới đánh giá của sinh viên:

Stt	Nội dung câu hỏi	Điểm trung bình
<b>Chương trình đào tạo</b>		
1	Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng	3.8
2	Nội dung chương trình đào tạo phản ánh các mục tiêu của chương trình	3.8
3	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học đại cương hợp lý	3.5
4	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học chuyên ngành hợp lý	3.7
5	Chương trình đào tạo có sự phân bổ tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý	3.7
<b>Hoạt động đi o tạo</b>		
6	Giảng viên thực hiện nghiêm túc thời gian lên lớp theo quy định	3.7
7	Giảng viên truyền đạt rõ ràng nội dung trong các môn học	3.7
8	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp bạn phát huy tính sáng tạo và khả năng nghiên cứu độc lập	3.5
9	Giảng viên nhiệt tình tư vấn cho người học về môn học ngoài giờ lên lớp	3.6
10	Giảng viên giúp bạn phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm	3.9
<b>Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập</b>		

11	Người học được thông báo sớm và đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập	3.7
12	Hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, phù hợp với mục tiêu, tính chất, đặc thù của từng môn học	3.9
13	Nội dung kiểm tra, đánh giá (thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ) phù hợp với nội dung môn học	3.5
14	Việc đánh giá và cho điểm được thực hiện khách quan và công bằng, kết quả phản ánh đúng năng lực của người học	3.6
15	Kết quả kiểm tra, đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học	3.6
<b>Mức độ đáp ứng của đội ngũ kỹ thuật viên</b>		
16	Cán bộ, nhân viên các phòng chức năng có thái độ làm việc tốt	3.6
17	Cán bộ, nhân viên các phòng chức năng hỗ trợ người học, giải quyết các yêu cầu chính đáng của người học kịp thời, hiệu quả	3.6
18	Cán bộ, nhân viên các phòng chức năng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao	3.7
<b>Mức độ đáp ứng của thư viện</b>		
19	Thư viện trường có đầy đủ tài liệu học tập và tham khảo cho các môn học	3.3
20	Phòng đọc của thư viện đáp ứng yêu cầu về diện tích, chỗ ngồi, ánh sáng và thoáng mát	3.5
21	Hệ thống trang thiết bị của thư viện đáp ứng được yêu cầu và sử dụng có hiệu quả	3.3
22	Các hệ thống phần mềm của thư viện dễ khai thác và sử dụng	3.2
23	Cán bộ, nhân viên thư viện có thái độ phục vụ tốt và hỗ trợ hiệu quả bạn đọc	3.0
<b>Mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng thí nghiệm</b>		
24	Số lượng phòng học và giảng đường đáp ứng đủ yêu cầu của giảng dạy và học tập các môn học	4.0
25	Hệ thống phòng thực hành, phòng thí nghiệm đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của các môn học	3.5
26	Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu của các môn học	3.8
27	Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập được khai thác có hiệu quả	3.8
<b>Mức độ đáp ứng về trang thiết bị tin học</b>		
28	Thiết bị công nghệ thông tin bao gồm máy tính, thiết bị mạng, máy chiếu, và các thiết bị khác phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập	3.6
29	Người học được sử dụng máy tính để phục vụ cho các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học	3.3
30	Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hoạt động hiệu quả	3.7

Hoạt động hỗ trợ người học		
31	Chất lượng và số lượng phòng ký túc xá đáp ứng nhu cầu của người học	3.8
32	Thái độ phục vụ của nhân viên ký túc xá tốt	3.8
33	Các dịch vụ đi kèm ở ký túc xá có chất lượng đảm bảo	3.7
34	Cố vấn học tập hỗ trợ người học hiệu quả	3.7
35	Người học được hỗ trợ về nghiên cứu khoa học hiệu quả	3.7
36	Thông tin học bổng được cung cấp thường xuyên, việc xét duyệt được thực hiện công bằng	3.8
37	Các hoạt động văn nghệ, thể thao và câu lạc bộ được tổ chức thường xuyên, hữu ích	3.9
38	Các hoạt động ngoại khóa, tình nguyện được tổ chức tốt	3.9
39	Dịch vụ y tế, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe đáp ứng tốt nhu cầu của người học	3.7
40	Hoạt động hướng nghiệp được tổ chức có hiệu quả	3.7

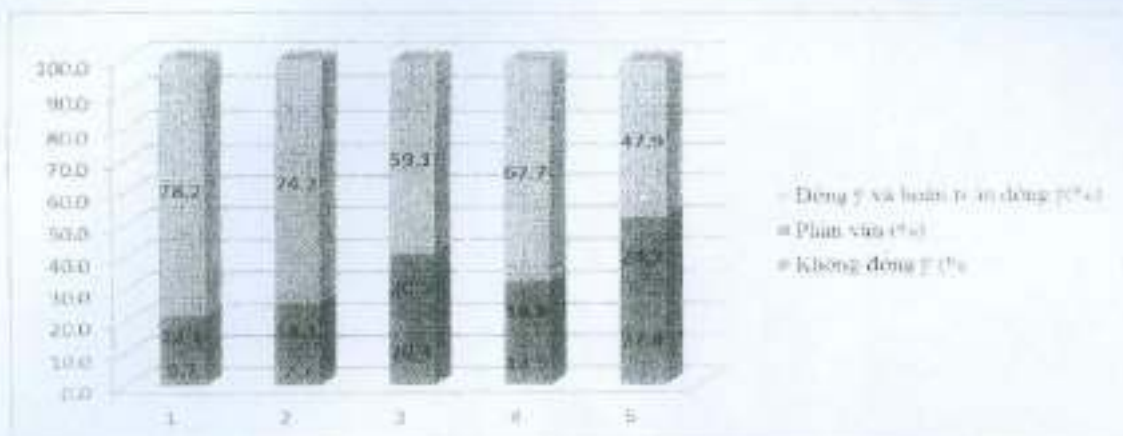
## II. Nhận xét chi tiết theo từng nội dung khảo sát

### II.1. Về Chương trình đào tạo

Hầu hết sinh viên đều cho rằng chương trình đào tạo mà mình đang theo học có mục tiêu rõ ràng (có 78.2% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý), tuy nhiên vẫn còn một số ít sinh viên còn phân vân, mơ hồ về mục tiêu chương trình đào tạo (chiếm tỷ lệ 12.1%) và không đồng ý về mục tiêu chương trình đào tạo (chiếm tỷ lệ 9.7%).

Việc phân bổ khối lượng môn học đại cương và chuyên ngành cũng như tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành của chương trình đào tạo chưa được sinh viên đánh giá cao. Trong đó tỷ lệ sinh viên hài lòng về khối lượng môn học đại cương chiếm 59.1%, về khối lượng môn học chuyên ngành chiếm 67.7%, về sự phân bổ tỷ lệ lý thuyết và thực hành chiếm 47.9%. Vẫn còn một số ít sinh viên còn phân vân và một số không đồng ý với sự phân chia các khối kiến thức trong chương trình đào tạo.

Biểu đồ dưới đây sẽ thể hiện rõ hơn đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo:



Biểu đồ 1: Thống kê tỷ lệ ý kiến của sinh viên cuối khóa về CTDT

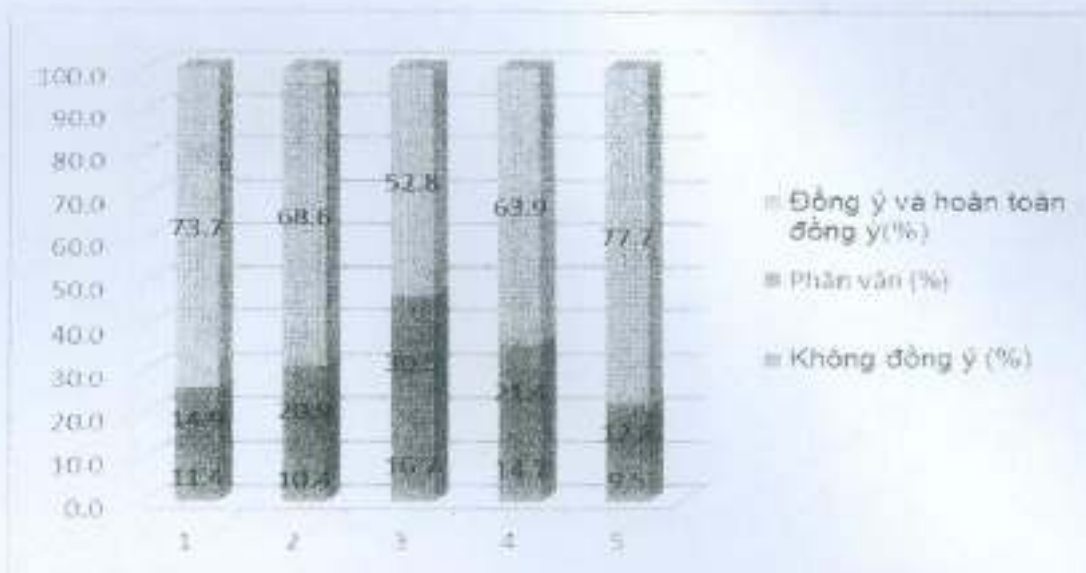
#### Giải thích:

- 1: Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng.
- 2: Nội dung chương trình đào tạo phản ánh các mục tiêu của chương trình.
- 3: Chương trình đào tạo có khối lượng môn học đại cương hợp lý.
- 4: Chương trình đào tạo có khối lượng môn học chuyên ngành hợp lý.
- 5: Chương trình đào tạo có sự phân bố tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý.

## II.2. Về Hoạt động đào tạo

Hoạt động đào tạo được sinh viên đánh giá khá tốt. Trong đó tiêu chí như giảng viên giúp cho sinh viên phát triển các kỹ năng mềm (thuyết trình làm việc nhóm) được khá đông sinh viên đồng ý (443/570 sinh viên, chiếm 77.7%). Việc lên lớp đúng thời gian quy định của giảng viên cũng được sinh viên đồng tình cao (chiếm 73.7%). Bên cạnh đó, một số tiêu chí chưa được người học hài lòng cần được nhà trường xem xét lại như Giảng viên truyền đạt rõ ràng nội dung các môn học (68.5% tỉ lệ sinh viên đồng ý), Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp SV phát huy tính sáng tạo và khả năng nghiên cứu độc lập (52.8% tỉ lệ sinh viên đồng ý), Giảng viên nhiệt tình tư vấn cho người học về môn học ngoài giờ lên lớp (63.9% tỉ lệ sinh viên đồng ý).

Biểu đồ dưới đây sẽ thể hiện rõ hơn đánh giá của sinh viên về hoạt động đào tạo:



Biểu đồ 2: Thống kê tỷ lệ ý kiến của sinh viên cuối khóa về Hoạt động đào tạo

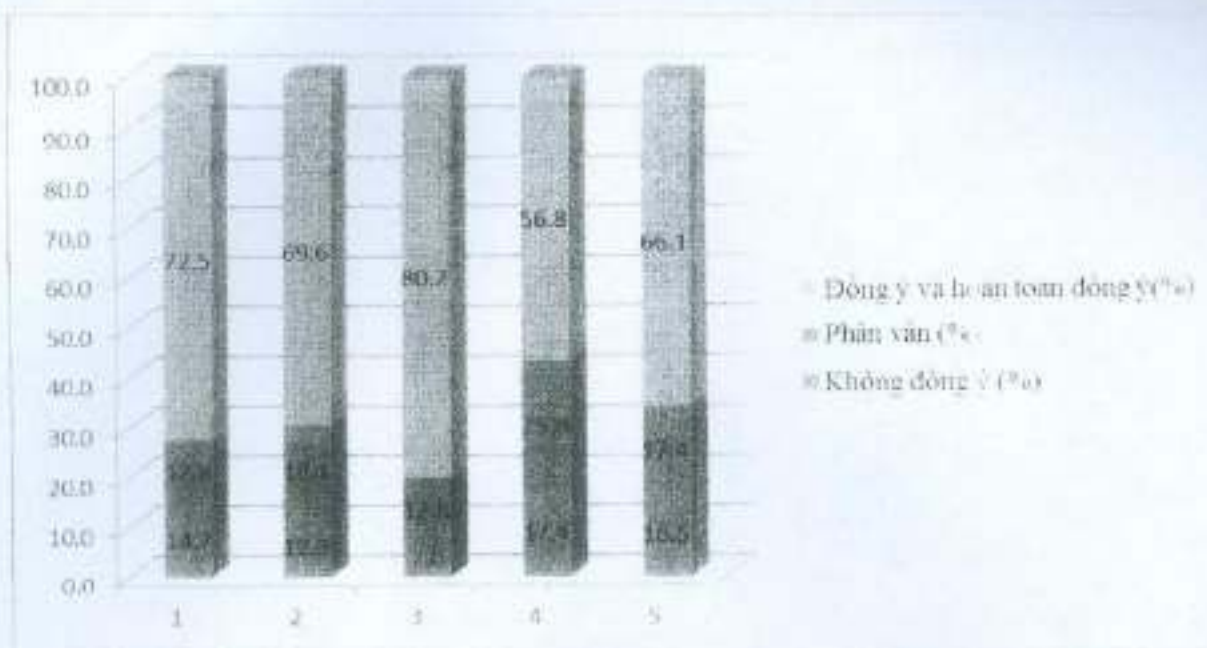
**Giải thích:**

- 1: Giảng viên thực hiện nghiêm túc thời gian lên lớp theo quy định.
- 2: Giảng viên truyền đạt rõ ràng nội dung trong các môn học.
- 3: Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp bạn phát huy tính sáng tạo và khả năng nghị luận cứu độc lập.
- 4: Giảng viên nhiệt tình tư vấn cho người học về môn học ngoài giờ lên lớp.
- 5: Giảng viên giúp bạn phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm.

**II.3. Về Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập**

Đa số sinh viên đều cho rằng nội dung kiểm tra đánh giá (thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ) phù hợp với nội dung môn học (457/670 sinh viên đồng tình chiếm 80.2%), sinh viên được thông báo sớm và đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập, hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp với mục tiêu, tính chất, đặc thù của từng môn học.

Bên cạnh đó, một số sinh viên cho rằng mình chưa được phân hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá (94/670 sinh viên, chiếm 16.5%); giáo viên chưa công bằng, khách quan trong việc đánh giá và cho điểm, chưa phản ánh đúng năng lực của người học (99/670 sinh viên, chiếm 17,4%). Điều này cho thấy giáo viên cần lưu ý hơn trong việc kiểm tra, đánh giá sinh viên nhằm phản ánh đúng năng lực của người học.



**Biểu đồ 3: Thống kê tỷ lệ ý kiến của sinh viên cuối khóa về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**

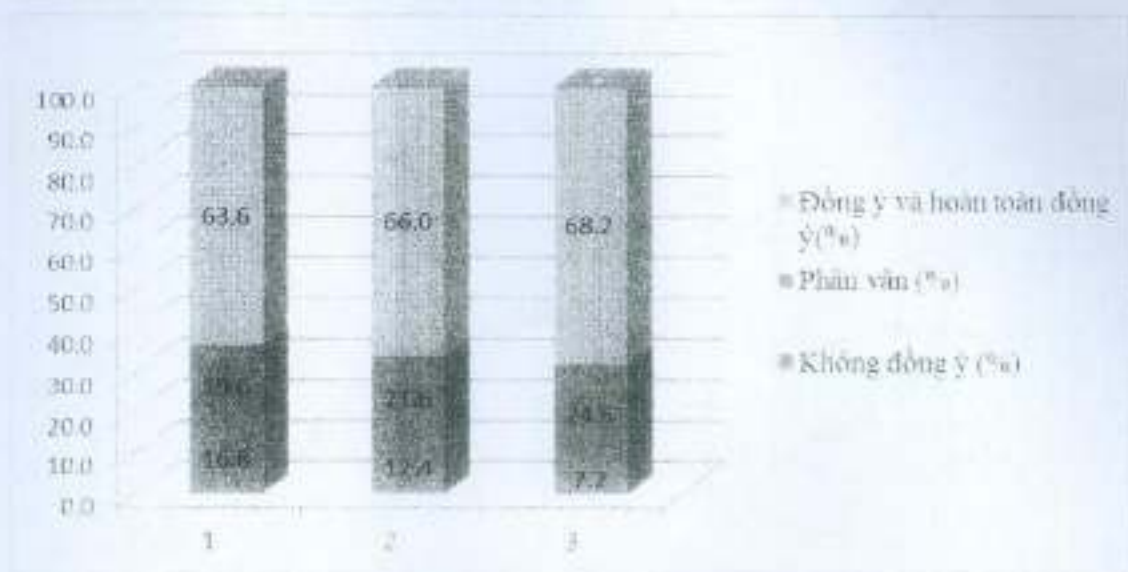
**Giải thích:**

- 1: Người học được thông báo sớm và đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập.
- 2: Hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, phù hợp với mục tiêu, tính chất, đặc thù của từng môn học.
- 3: Nội dung kiểm tra, đánh giá (thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ) phù hợp với nội dung môn học.
- 4: Việc đánh giá và cho điểm được thực hiện khách quan và công bằng, kết quả phản ánh đúng năng lực của người học.
- 5: Kết quả kiểm tra, đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học.

**II.4. Về mức độ đáp ứng của đội ngũ kỹ thuật viên**

Nhóm tiêu chí này cũng được sinh viên đánh giá tốt như cán bộ, nhân viên các phòng chức năng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao; các phòng chức năng hỗ trợ người học, giải quyết các yêu cầu chính đáng của người học kịp thời hiệu quả (tỷ lệ đồng ý > 66%). Tuy nhiên vẫn còn một số sinh viên phản văn không thể đánh giá về việc giải quyết yêu cầu của các phòng chức năng đã kịp thời hay chưa (chiếm tỷ lệ >21%); một số không hài lòng về thái độ làm việc của các nhân viên phòng chức năng (96/670 sinh viên chiếm tỷ lệ 16.8%). Qua đó cho thấy nhà trường cần giám sát chặt chẽ hơn thái độ làm việc của cán bộ hành chính với sinh viên và công tác giải quyết các yêu cầu chính sách cho người học.

Biểu đồ dưới đây sẽ thể hiện rõ hơn đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của đội ngũ kỹ thuật viên đối với người học:



Biểu đồ 4: Thống kê tỷ lệ ý kiến của sinh viên cuối khóa về mức độ đáp ứng của đội ngũ kỹ thuật viên

#### Giải thích:

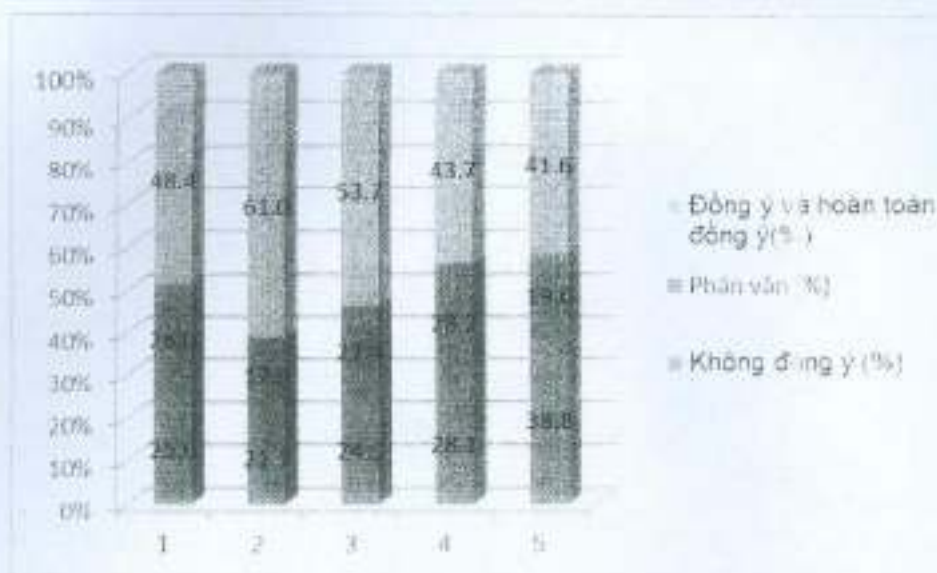
- 1: Cán bộ, nhân viên các phòng chức năng có thái độ làm việc tốt.
- 2: Cán bộ, nhân viên các phòng chức năng hỗ trợ người học, giải quyết các yêu cầu chính đáng của người học kịp thời, hiệu quả.
- 3: Cán bộ, nhân viên các phòng chức năng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao.

#### II.5. Về mức độ đáp ứng của thư viện

Sinh viên chưa thực sự hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện, tất cả các câu hỏi trong nhóm tiêu chí này đều được sinh viên đồng ý chỉ chiếm dưới 61%, còn lại là phản vấn và không đồng ý. Đó là các nội dung như thái độ phục vụ của cán bộ thư viện chưa tốt, thư viện chưa có phần mềm quản lý và tìm kiếm sách, thư viện chưa có đầy đủ tài liệu học tập và tham khảo. Đặc biệt, so sánh và đối chiếu với năm trước, số sinh viên không hài lòng về thái độ phục vụ của thư viện tăng lên (chiếm tỉ lệ 38.8%, năm trước là 26.8%)

Biểu đồ dưới đây sẽ thể hiện rõ hơn đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của thư viện:





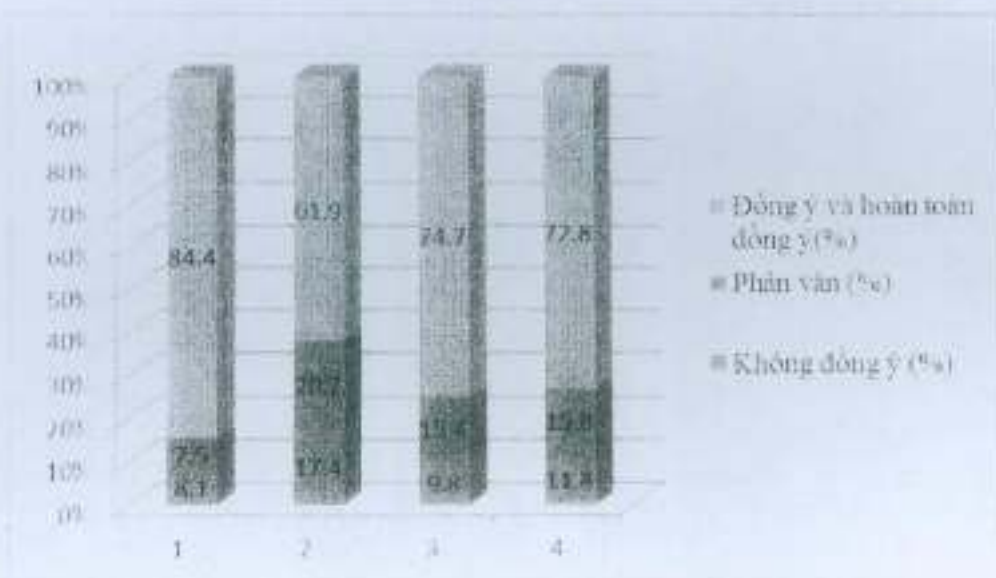
**Biểu đồ 5: Thống kê tỷ lệ ý kiến của sinh viên cuối khóa về mức độ đáp ứng của thư viện**

**Giải thích:**

- 1: Thư viện trường có đầy đủ tài liệu học tập và tham khảo cho các môn học.
- 2: Phòng đọc của thư viện đáp ứng yêu cầu về diện tích, cơ sở ngồi, ánh sáng và thoáng mát.
- 3: Hệ thống trang thiết bị của thư viện đáp ứng được yêu cầu và sử dụng có hiệu quả.
- 4: Các hệ thống phần mềm của thư viện dễ khai thác và sử dụng.
- 5: Cán bộ, nhân viên thư viện có thái độ phục vụ tốt và hỗ trợ hiệu quả bạn đọc.

**11.6. Về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng thí nghiệm**

Tỷ lệ sinh viên hài lòng khá cao về số lượng phòng học và giảng đường nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập... Điều này cho thấy phòng học giảng đường và các thiết bị dạy, học của nhà trường đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của người học. Vẫn còn một số ít sinh viên không đồng ý về mức độ đáp ứng của trang thiết bị cơ sở vật chất nhưng con số này không nhiều (dưới 18%). Tất cả ý kiến được hiển thị qua biểu đồ dưới đây:



*Biểu đồ 6: Thống kê tỷ lệ ý kiến của sinh viên cuối khóa về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành*

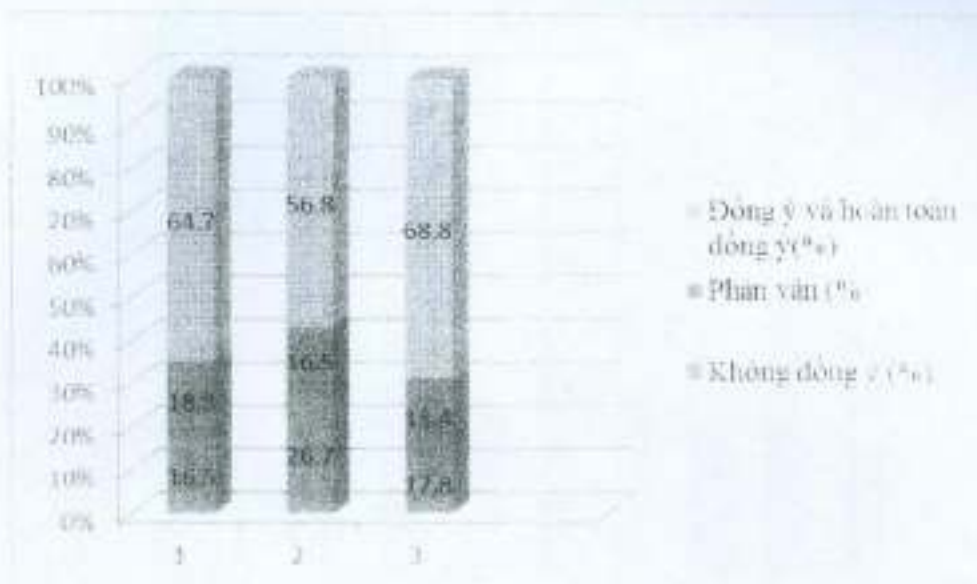
**Giải thích:**

- 1: Số lượng phòng học và giảng đường đáp ứng đủ yêu cầu của giảng dạy và học tập các môn học.
- 2: Hệ thống phòng thực hành, phòng thí nghiệm đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của các môn học.
- 3: Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu của các môn học.
- 4: Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập được khai thác có hiệu quả.

**II.7. Về mức độ đáp ứng của trang thiết bị tin học**

Sinh viên khá hài lòng về mức độ đáp ứng của trang thiết bị tin học trong đó thiết bị nghệ thông tin bao gồm máy tính, thiết bị mạng, máy chiếu, và các thiết bị khác phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập; hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hoạt động hiệu quả (tỉ lệ đồng ý chiếm trên 65%). Tuy nhiên, một số sinh viên cho rằng không được sử dụng máy tính để phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học (152/670 sinh viên chiếm tỷ lệ 26,7%).

Biểu đồ dưới đây sẽ thể hiện rõ hơn đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của trang thiết bị tin học:



Biểu đồ 7: Thống kê tỷ lệ ý kiến của sinh viên cuối khóa về mức độ đáp ứng về trang thiết bị tin học

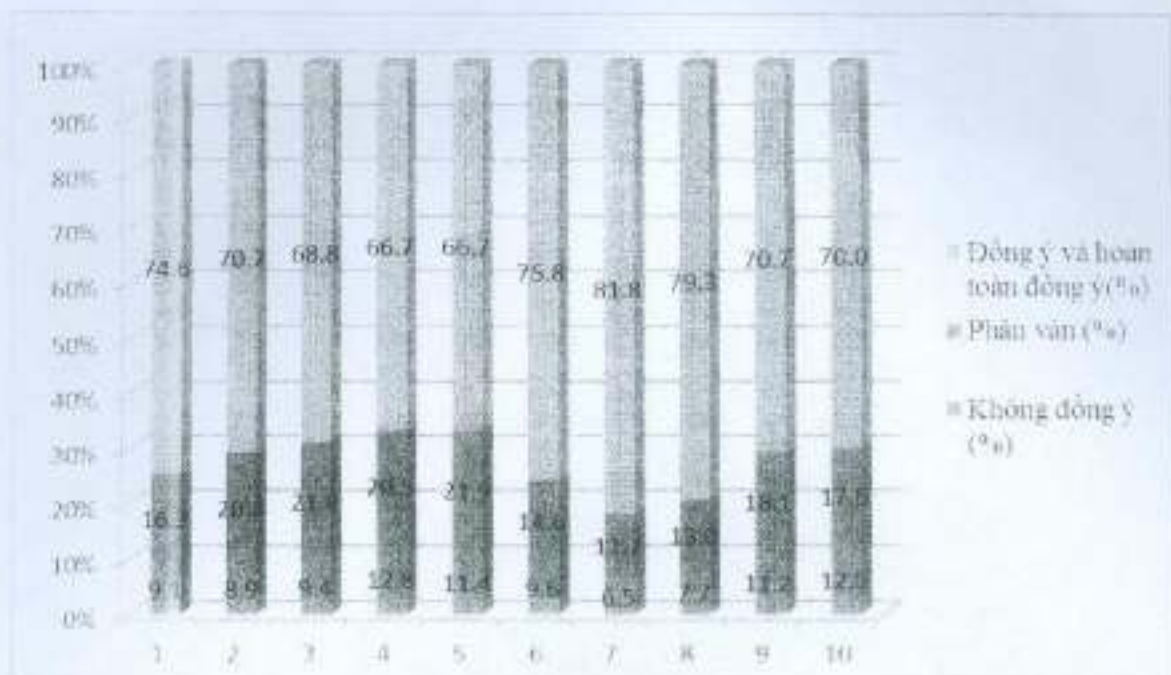
#### Giải thích:

- 1: Thiết bị công nghệ thông tin bao gồm máy tính, thiết bị mạng, máy chiếu, và các thiết bị khác phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập.
- 2: Người học được sử dụng máy tính để phục vụ cho các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học.
- 3: Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hoạt động hiệu quả.

#### II.8. Về hoạt động hỗ trợ người học

Các hoạt động hỗ trợ người học được sinh viên đánh giá cao như các hoạt động văn nghệ thể thao và câu lạc bộ được tổ chức thường xuyên, hữu ích (425/670 sinh viên chiếm tỷ lệ 81.8%); các hoạt động ngoại khóa, tình nguyện được tổ chức tốt (chiếm tỷ lệ 79.3%); thông tin học bổng được cung cấp thường xuyên, việc xét duyệt học bổng được thực hiện công bằng (chiếm tỷ lệ 75.8%); chất lượng và số lượng phòng của ký túc xá đáp ứng nhu cầu của người học (chiếm tỷ lệ 74.6%)...

Biểu đồ dưới đây sẽ thể hiện rõ hơn đánh giá của sinh viên về các hoạt động hỗ trợ người học:



*Biểu đồ 8: Thống kê tỷ lệ ý kiến của sinh viên cuối khóa về mức độ đáp ứng về trang thiết bị tin học*

**Giải thích:**

- 1: Chất lượng và số lượng phòng ký túc xá đáp ứng nhu cầu của người học.
- 2: Thái độ phục vụ của nhân viên ký túc xá tốt.
- 3: Các dịch vụ đi kèm ở ký túc xá có chất lượng đảm bảo.
- 4: Cơ sở vấn học tập hỗ trợ người học hiệu quả
- 5: Người học được hỗ trợ về nghiên cứu khoa học hiệu quả
- 6: Tổng tin học bổng được cung cấp thường xuyên, việc xét duyệt được thực hiện công bằng
- 7: Các hoạt động văn nghệ, thể thao và câu lạc bộ được tổ chức thường xuyên, hữu ích.
- 8: Các hoạt động ngoại khóa, tình nguyện được tổ chức tốt.
- 9: Dịch vụ y tế, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe đáp ứng tốt nhu cầu của người học.
- 10: Hoạt động hướng nghiệp được tổ chức có hiệu quả.

**III. Những ý kiến đóng góp khác của sinh viên**

- Nhà trường cần nâng cao hơn nữa chất lượng của thư viện về số lượng tài liệu tham khảo cũng như máy tính, phần mềm tra cứu.

- Hình thức thi cần thống nhất và thông báo ngay từ đầu học kỳ để sinh viên chuẩn bị tốt cho môn học và thi. Tránh trường hợp giảng viên thông báo thi để mở nhưng thực tế thi đề đóng.

- Cần có internet phủ toàn trường và sử dụng tốt.

- Nhà trường cần thắt chặt quản lý trong việc kiểm tra đánh giá nhằm phản ánh đúng năng lực của người học.

- Thái độ nhân viên của các phòng chức năng cần cởi mở, nhiệt tình hơn với sinh viên.

- Cần phân bổ lịch học hợp lý, hạn chế thay đổi đột xuất để sinh viên chủ động trong học tập.

- Cần nâng cao hơn nữa chất lượng giảng viên trong giảng dạy và các hoạt động ngoại khóa; rèn luyện kỹ năng ngành luật như: tư vấn pháp luật, kỹ năng biện hộ... nhằm mở rộng cơ hội và đa dạng việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Cần cho sinh viên học các môn chuyên ngành sớm hơn và giảm tải các môn học đại cương.

- Cần công bố điểm thi, học bổng khuyến khích nhanh chóng, kịp thời.

### **C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Qua kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối (K37) về chất lượng đào tạo của Nhà trường trong toàn 4 năm học, cho thấy đa số sinh viên hài lòng về toàn khóa học bao gồm chương trình đào tạo; hoạt động đào tạo; phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; mức độ đáp ứng của đội ngũ kỹ thuật viên; mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành; các hoạt động hỗ trợ người học. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn các mong đợi của người học nhằm cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội, Nhà trường cần quan tâm cải tiến những vấn đề sau đây:

- Nhà trường cần rà soát, điều chỉnh chương trình phù hợp hơn, lồng ghép khối lượng kiến thức đại cương và chuyên ngành hợp lý hơn, nhằm cung cấp chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra, tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Giảng viên cần cải tiến phương pháp giảng dạy, tăng cường các hoạt động ngoại khóa về kỹ năng thực hành nghề luật cho sinh viên; cần khách quan hơn trong việc kiểm tra đánh giá sinh viên.

- Trung tâm Thông tin - Thư viện cần mở rộng khu vực đọc sách, cần nhiều ánh sáng hơn để thuận tiện cho sinh viên trong việc đọc sách và nghiên cứu khoa học. Thái độ phục vụ của nhân viên thư viện cần nhã nhặn, nhiệt tình hơn. Thư viện cần có phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu.

- Phòng KT-ĐBCLGD cần quản lý chặt chẽ việc công bố điểm thi, phúc khảo kịp thời cho sinh viên. Hình thức thi cần thống nhất và thông báo trước cho sinh viên.

- Phòng CTSV tăng cường phối hợp với Trung tâm Thực hành Luật và Quan hệ doanh nghiệp nhằm tổ chức nhiều hơn các buổi giao lưu gặp mặt giữa nhà tuyển dụng và sinh viên để sinh viên nắm bắt được nhu cầu xã hội qua đó tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên.

- Phòng KHCN-MT&HTQT phối hợp với phòng CTSV, Trung tâm Thực hành Luật và Quan hệ doanh nghiệp thúc đẩy tìm kiếm các chương trình trao đổi sinh viên với các trường đại học quốc tế để tạo cơ hội cho sinh viên được tham gia học hỏi, trao đổi, giao lưu nhiều hơn với các môi trường học tập quốc tế.

- Phòng Đào tạo cần bố trí lịch học chính xác, cố định, tránh tình trạng thay đổi chính sửa sau khi đã công bố để sinh viên chủ động hơn trong các hoạt động học tập và sinh hoạt ngoại khóa.

- Phòng TCHC cần chuẩn bị cơ sở vật chất tốt hơn cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên như cơi nới nhà xe, lắp đặt hệ thống wifi toàn trường.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi (để phối hợp thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Trung tâm ĐECLGD ĐHH (để báo cáo);
- Lưu: VT, KT-ĐBCLGD.



*PGS.TS. Đoàn Đức Lương*